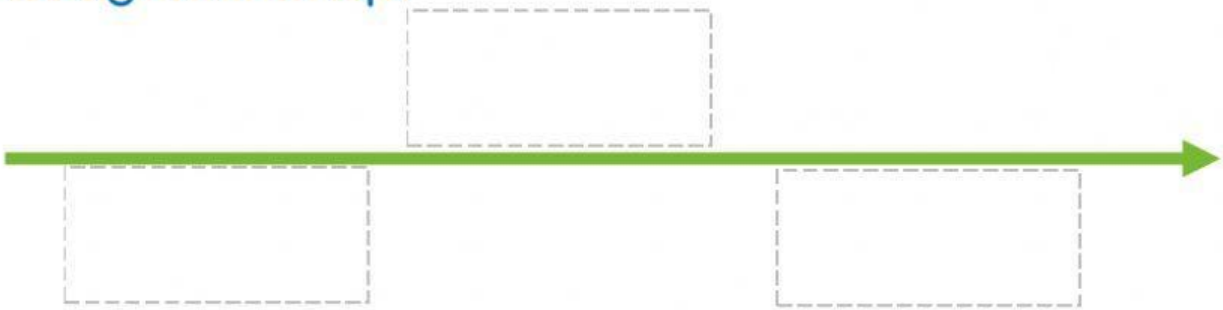
Name:..... Class:.....

VIETNAMESE AS A FOREIGN LANGUAGE
WEEK 10 - REVISION

1. Listen and write the number:

a		e	
b		f	
c		g	
d		h	

2. Drag and drop:



TUẦN NÀY | TUẦN SAU | TUẦN TRƯỚC

3. Unscramble the sentences:

a. ba / tô/Làm ơn / bún bò / cho tôi

→.....

b. Buổi chiều / lúc/ đi chơi / 4 giờ/ em .

→.....

c. thích / mì Ý/ Chị ấy/ nhất

→.....

LIVEWORKSHEETS

e. tuần trước / Chủ nhật/ ngày 7/ là/ tháng 11

→.....

f. thích /tôi / nghe nhạc/ Buổi tối

→.....

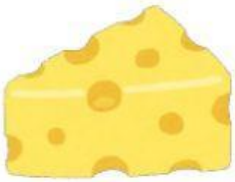
4. Match:











Cay quá!

Học bài

Cà phê

Xem phim

Tháng 12

Sinh tố

Phô mai

Đói quá!

Tháng 3

Đi ngủ











LIVEWORKSHEETS

5. Read and answer the question:

Chi là người Việt Nam . Chi thích xem phim. Buổi sáng, Chi thức dậy lúc 6 giờ rưỡi. Chị Chi đi làm lúc 7 giờ 45 phút. Buổi trưa chị ấy ăn trưa lúc 11 giờ 15 phút. Chị Chi thích ăn cơm tấm và uống sinh tố. Buổi tối chị ấy đi ngủ lúc 10 giờ 20 phút.

a. Chi là người nước nào?

.....

b. Chi thích đi làm, phải không?

☐ Phải ☐ Không phải

c. Chi ăn trưa lúc mấy giờ?

☐ 7 giờ 45 phút
☐ 11 giờ 15 phút
☐ 10 giờ 20 phút

d. Chị Chi thích ăn gì?

.....

LIVEWORKSHEETS